

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày

tháng 5 năm 2026

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2026**

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Thực hiện Công văn số 1097/BYT-CDS ngày 14/02/2026 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2026. Nhằm triển khai công tác dân số và phát triển thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn toàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai công tác dân số và phát triển năm 2026, cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH**

**1. Mục tiêu**

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số.

**2. Chỉ tiêu**

**2.1. Chỉ tiêu cơ bản**

- Điều chỉnh mức sinh: Tỷ suất sinh thô tăng 0,2‰ so với năm 2025.
- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái sinh ra sống): giữ mức từ 103-107 trẻ em nam/100 trẻ em nữ sinh ra sống.

**2.2. Chỉ tiêu chuyên môn**

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia): 56%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh): 56%.
- Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai (BPTT): 160.920 người.
- Tỷ lệ cặp nam nữ, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 55%.

- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm: 62%.

### **2.3. Giao chỉ tiêu kế hoạch cho các địa phương**

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, UBND các xã, phường căn cứ chỉ tiêu của tỉnh giao, thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 cho từng địa bàn cơ sở, đảm bảo phù hợp, thực hiện đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch công tác dân số và phát triển năm 2026 trên phạm vi toàn tỉnh. *(chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

## **3. Các hoạt động cụ thể**

### **3.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, xây dựng văn bản chỉ đạo điều hành**

- Rà soát xây dựng đảm bảo các chính sách về công tác dân số của tỉnh sau khi Luật Dân số có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương được ban hành.

- Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia về dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các Đề án, Chương trình, Kế hoạch của tỉnh về công tác dân số theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

### **3.2. Thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch**

#### **3.2.1. Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng**

- Xây dựng Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030 phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Toàn tỉnh tập trung duy trì vững chắc mức sinh thay thế đã đạt được hiện nay của tỉnh (Mức sinh đến cuối năm 2025 của tỉnh là 2,13 con/phụ nữ). Tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ 2 con, chú trọng vận động, khuyến khích nam, nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi, sinh đủ 2 con trước 35 tuổi.

+ Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, cung cấp thông tin pháp luật của Nhà nước về duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt là quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, mỗi cặp vợ chồng trong việc sinh con theo Luật Dân số (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026).

+ Cấp đủ phương tiện tránh thai cho các đối tượng thuộc diện miễn phí có nhu cầu. Đối tượng được ưu tiên cấp miễn phí các phương tiện tránh thai tiếp tục được áp dụng theo Hướng dẫn số 10578/BYT-TCDS, ngày 14/12/2021 của Bộ Y tế về thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh (gồm: đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo bao gồm người đơn thân, vị thành niên, thanh niên; đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên)

và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển). Nguồn phương tiện tránh thai gồm: phương tiện tránh thai miễn phí từ Cục Dân số cấp (dụng cụ tử cung); các loại phương tiện tránh thai khác (thuốc cấy tránh thai, viên uống tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, bao cao su) yêu cầu Sở Y tế, các Trung tâm Y tế, Trạm Y tế cấp xã rà soát đối tượng ưu tiên và nhu cầu sử dụng, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí mua cấp cho các đối tượng ưu tiên theo đúng các quy định hiện hành và chính sách của địa phương.

+ Triển khai cung cấp thường xuyên các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình tại các Trung tâm Y tế và Trạm Y tế cấp xã. Đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ cơ bản như: gói dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, gói khám phụ khoa, gói khám và phát hiện khiếm khuyết thai nhi và gói tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn phù hợp với các tuyến.

+ Tiếp tục thực hiện tư vấn, tuyên truyền kiến thức, kỹ năng dự phòng vô sinh tại cộng đồng cho vị thành niên, thanh niên.

### **3.2.2. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình**

- Xây dựng Kế hoạch sửa đổi, bổ sung Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tập trung chỉ đạo đảm bảo các hoạt động chủ yếu:

+ Tiếp tục duy trì Hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) (LMIS) (Dự kiến năm 2026, Bộ Y tế sẽ triển khai phần mềm hệ thống báo cáo quản lý phương tiện tránh thai đã được thử nghiệm năm 2025).

+ Triển khai và giám sát thực hiện các Quyết định ban hành Phiếu giám sát tình hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ của Trạm Y tế xã (Quyết định số 134/QĐ-BYT ngày 19/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế); Quyết định ban hành Phiếu giám sát cộng tác viên dân số về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng (Quyết định số 160/QĐ-CDS ngày 18/7/2024 của Cục trưởng Cục Dân số).

+ Bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế thực hiện dịch vụ KHHGĐ và nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản phương tiện tránh thai, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đảm bảo mọi người dân được tiếp cận dịch vụ KHHGĐ, ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tăng cường tập huấn kỹ thuật dịch vụ KHHGĐ; tư vấn KHHGĐ và các biện pháp tránh thai, nâng cao năng lực cung cấp KHHGĐ phi lâm sàng đảm bảo duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tại cơ sở. Kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

+ Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh, đối tượng khó tiếp cận, địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế; các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp.

+ Triển khai các mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ KHHGĐ: hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai ở vị thành niên, thanh niên.

### **3.2.3. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh**

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026-2035.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 là đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Tiếp tục duy trì tuyên truyền, vận động, phổ biến những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi để tạo môi trường xã hội đồng thuận thúc đẩy thực hiện các hoạt động kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh tại các cấp. Phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng: Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắc Lắc; Đài phát thanh, truyền thanh cấp xã tổ chức tuyên truyền về nội dung mất cân bằng giới tính khi sinh.

+ Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; lồng ghép nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào hoạt động của các sở, ban, ngành, đoàn thể.

+ Thực hiện phổ biến, giáo dục và nâng cao hiệu lực để thực thi những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Tăng cường việc thực thi nghiêm các quy định của pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

+ Nâng cao kiến thức, kỹ năng liên quan đến tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: tổ chức hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công chức y tế - dân số, người cung cấp dịch vụ có liên quan.

+ Tuyên truyền, vận động nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

+ Đưa các nội dung về giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trong các hoạt động của Câu lạc bộ tiền hôn nhân, trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa phổ thông tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

+ Đẩy mạnh triển khai các chiến dịch truyền thông, các chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng nhằm nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

### **3.2.4. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 11113/KH-UBND, ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động sàng lọc trước sinh và sơ sinh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các cơ sở y tế sau sắp xếp bộ máy.

+ Phối hợp các Trung tâm sàng lọc, các Bệnh viện đủ điều kiện tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh.

+ Duy trì triển khai kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế, mở rộng thực hiện sàng lọc đủ mặt bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản: sàng lọc trước sinh (4 bệnh) và sàng lọc sơ sinh (5 bệnh) theo quy định<sup>1</sup>.

+ Tổng hợp kết quả về đối tượng được sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định<sup>2</sup>.

+ Duy trì các hoạt động câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng và trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

+ Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn tại cộng đồng và tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

<sup>1</sup> Tại Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 hướng dẫn, tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 hướng dẫn, tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Quyết định số 1807/QĐ-BYT và các quy định hiện hành.

<sup>2</sup> Tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và theo hướng dẫn tại Công văn số 877/TCDS-CCDS ngày 07/12/2022 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình về việc hướng dẫn quản lý đối tượng được miễn phí thực hiện nhiệm vụ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

+ Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động khác của địa phương.

+ Triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn: Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn; tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật; kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cung cấp dịch vụ.

### **3.2.5. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (NCT) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2404/QĐ-UBND, ngày 30/08/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tập trung triển khai các hoạt động chủ yếu:

+ Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng, cung cấp kiến thức, kỹ năng, tư vấn, hướng dẫn NCT tự chăm sóc sức khỏe; phát triển, duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe NCT vào câu lạc bộ liên thế hệ và các loại hình câu lạc bộ khác của NCT; duy trì, phát triển, mạng lưới tình nguyện viên, tham gia chăm sóc sức khỏe NCT; lồng ghép nội dung vận động chăm sóc sức khỏe NCT, tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe NCT với chương trình, dự án về nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan.

+ Nâng cao năng lực cho trạm y tế cấp xã trong thực hiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống các bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng. Tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe NCT, các nội dung thích ứng với già hóa dân số. Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe NCT ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe; cán bộ dân số và tình nguyện viên ở cơ sở.

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NCT tại nơi cư trú.

+ Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo.

+ Giám sát, kiểm tra các hoạt động tại tuyến xã.

### **3.2.6. Truyền thông dân số và phát triển**

- Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tạo đồng thuận và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong giải quyết các vấn đề quan trọng, liên ngành về dân số và phát triển của mỗi địa phương.

- Đổi mới phương thức truyền thông theo hướng đa dạng, ưu tiên phát triển các loại hình truyền thông số, truyền thông xã hội (Fanpage, Zalo OA, Youtube, TikTok...).

- Ưu tiên truyền thông, vận động, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng nên có hai con; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; thích ứng với già hoá dân số, dân số già; tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng là người chưa thành niên, thanh niên; người trong độ tuổi sinh đẻ; người cao tuổi; người dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người; người lao động khu công nghiệp.

- Tổ chức các đợt chiến dịch, các hoạt động hưởng ứng sự kiện truyền thông dân số; các cuộc thi, triển lãm về dân số; tổ chức truyền thông trực tiếp tại cơ sở phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, từng nhóm đối tượng và khả năng cân đối ngân sách của mỗi địa phương. Phối hợp với Trung ương tổ chức một số hoạt động truyền thông trọng điểm trong năm 2026.

- Sản xuất, nhân bản và phân phối các tài liệu và sản phẩm truyền thông; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, giao lưu, tọa đàm trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk, các tờ tin, bản tin chuyên đề về công tác dân số.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các Tổ chức chính trị - xã hội triển khai đến các thành viên, hội viên thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; tổ chức lồng ghép các nội dung dân số và phát triển vào các hoạt động chuyên môn, hoạt động thường xuyên, hoạt động văn nghệ, thể thao, giải trí của các thành viên, hội viên trong tổ chức, đơn vị.

- Cung cấp thông tin, vận động, huy động các chức sắc tôn giáo, các già làng, trưởng thôn, buôn, tổ dân phố, người có uy tín trong cộng đồng, người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh tăng cường đưa tin về công tác dân số và phát triển; xây dựng, phát sóng các chuyên đề, chuyên mục trên báo, phát thanh, truyền hình.

- Tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề tuyên truyền, hưởng ứng các ngày lễ, kỷ niệm về công tác dân số trong năm như: Ngày Thalassemia (8/5), Ngày Dân số Thế giới (11/7), Ngày Quốc tế người cao tuổi (01/10), Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10), Tháng hành động Quốc gia về dân số (tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12); sản xuất, nhân bản các sản phẩm tuyên truyền (Pano, tờ rơi, khẩu hiệu...) về nội dung: chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên/thanh niên, mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh...

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên và cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động thực hiện công tác dân số phù hợp với tình hình mới.

### **3.2.7. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số**

- Xây dựng Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 phù hợp với quy định hiện hành.

- Các nội dung chủ yếu:

- + Tiếp tục thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-BYT, ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế quy định chế độ ghi chép ban đầu và báo cáo thống kê chuyên ngành dân số đến khi có hướng dẫn mới.

- + Kiểm tra hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn cho Trung tâm Y tế, Trạm Y tế và cộng tác viên dân số.

- + Triển khai rà soát, đối chiếu số liệu tại cấp xã, phường; thực hiện thường xuyên công tác ghi chép thông tin ban đầu vào Sổ hộ gia đình, ghi chép thông tin biến động vào phiếu thu tin và số liệu báo cáo thống kê định kỳ của Trung tâm Y tế, Trạm Y tế.

- + Tăng cường quản trị hệ thống, bảo mật, an toàn thông tin và chất lượng dữ liệu: Duy trì, tăng cường quản trị/vận hành kho dữ liệu điện tử (bảo trì hệ thống và công cụ thành phần; chuẩn hóa, đồng bộ cơ sở dữ liệu; nâng chất dữ liệu tập trung); Tăng cường bảo mật, an toàn thông tin hệ/cá nhân trong kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

### **3.2.8. Đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác dân số**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 12169/QĐ-UBND, ngày 9/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành tình hình thực tế địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ cán bộ dân số cấp tỉnh và xã, phường phù hợp với công tác dân số trong tình hình hiện nay. Tập huấn, bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng cho các báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp tỉnh và xã, phường. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin, thống kê và dự báo cho cán bộ làm công tác dân số các cấp; Tập huấn bổ sung kiến thức chuyên môn cho cộng tác viên dân số để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật tại địa phương về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác dân số.



### **3.2.9. Hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát**

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý về công tác dân số các cấp đặc biệt là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp. Tổ chức giao ban Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển, đánh giá kết quả hoạt động công tác dân số định kỳ và hằng năm.

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp; kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế, các nhà sách cung cấp các ấn phẩm đảm bảo thực hiện nghiêm quy định không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

## **II. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Nguồn kinh phí**

- Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách (chi sự nghiệp y tế, dân số).

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình dự án khác.

**2. Sở Y tế phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí trình UBND tỉnh phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.**

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các sở, ban, ngành và địa phương**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và điều kiện, tình hình thực tế, khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp để tổ chức thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo, tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả (qua Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

### **2. Sở Y tế**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động công tác dân số, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách do Trung ương và tỉnh giao.

- Hướng dẫn UBND các xã, phường xây dựng và triển khai các Kế hoạch, Đề án về dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh năm 2026; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **3. Sở Tài chính**

Trên cơ sở đề nghị của Sở Y tế, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành trên tinh thần hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

### **4. Sở Nội vụ**

Phối hợp Sở Y tế tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện việc củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân số các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số của tỉnh, thống nhất, liên tục, thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển tại địa phương.

### **5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp, định hướng các cơ quan báo chí địa phương, Trung ương hoạt động trên địa bàn tỉnh thông tin, tuyên truyền; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân số; thông tin về công tác dân số và phát triển của tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn lồng ghép các nội dung công tác dân số trong các hoạt động văn hóa nghệ thuật, công tác gia đình, hương ước, quy ước tại cộng đồng dân cư.

### **6. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giới, giới tính, tăng cường giáo dục thể chất, nâng cao thể lực trong hệ thống giáo dục quốc dân; tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách về giáo dục để bổ sung các nội dung, hoạt động liên quan đến nâng cao chất lượng dân số, tầm vóc thể lực người dân trên địa bàn tỉnh.

### **7. UBND các xã, phường**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; quán triệt thực hiện Luật Dân số năm 2025 và các văn bản hiện hành<sup>3</sup>; tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển cấp cơ sở nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các ngành, cơ quan có liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển; duy trì và nâng cao hiệu quả đội ngũ cộng tác viên dân số các thôn, buôn, tổ dân phố nhằm đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác dân số và phát triển năm 2026. Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển xã, phường;

---

<sup>3</sup> ; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 068/KH-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc triển khai Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

phối hợp với Sở Y tế, liên ngành trong thực hiện các hoạt động công tác dân số tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch được giao, phân đầu chỉ tiêu toàn xã, phường, thị trấn hoặc cao hơn chỉ tiêu tỉnh giao. Đồng thời bố trí ngân sách đảm bảo cho công tác dân số trên địa bàn.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, Kế hoạch của tỉnh và đảm bảo kinh phí địa phương cho hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả về Sở Y tế theo quy định.

**8. Đề nghị Ban Tuyên giáo - Dân vận Tỉnh ủy** phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc tuyên truyền về công tác dân số và phát triển trong tình hình mới.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Ban Đại diện Người cao tuổi tỉnh** phối hợp với ngành Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác vận động, tuyên truyền hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia công tác dân số và phát triển trong tình hình mới; giám sát việc thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác Dân số và Phát triển năm 2026 trên địa bàn tỉnh. Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế) theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- Cục Dân số;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD công tác Dân số và Phát triển tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX (Th).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**